

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>13 - 32</b>

\*\*\*\*\*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 7 tháng 6 năm 2024.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 02383.739.739

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:** Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2022
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 9 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2017
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 4 năm 2019

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2021).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**  


**Hoàng Văn Hải**

Ngày ... tháng 3 năm 2025



Số: 2.0401/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*****Hạn chế phạm vi kiểm toán***

- Khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2024 đang bao gồm khoản phải thu về giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m<sup>2</sup> tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền 5.690.610.000 VND được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội; quyền sử dụng đất này đã bị thu hồi từ năm 2021 theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An (*xem Thuyết minh V.5a Bản thuyết minh báo cáo tài chính*). Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định từ UBND tỉnh Nghệ An về số tiền được đền bù. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá tính hợp lý cũng như khả năng thu hồi khoản phải thu này và số dự phòng tổn thất cần trích lập (nếu có).



- Tại ngày 31/12/2024, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí nước thô phải trả do chưa thống nhất được với đối tác cung cấp nước thô về giá trị phải thanh toán trên khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, số tiền 120.901.582.998 VND (xem Thuyết minh V.18 Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Do đó, chúng tôi không có đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính hợp lý về số dư dự phòng phải trả này, cũng như chi phí nước thô Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm, số tiền 13.830.186.700 VND (năm trước: 21.352.500.000 VND).

#### *Các sai sót/ bất đồng trong xử lý kế toán*

- Công ty đang ghi nhận chi phí lương bổ sung, thưởng năm 2023 vào kết quả kinh doanh năm 2024 số tiền 3.523.440.000 VND. Theo ý kiến của chúng tôi, khoản chi phí lương bổ sung, thưởng năm 2023 cần được ghi nhận kết quả kinh doanh năm 2023. Nếu khoản chi phí này được ghi nhận đúng kỳ, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” năm nay sẽ giảm là 3.523.440.000 VND.
- Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định (xem Thuyết minh IV.8 và VIII.3 Bản thuyết minh báo cáo tài chính), dẫn đến chi phí khấu hao năm nay tăng thêm 20.063.085.788 VND. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng thời gian khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định, dẫn đến chi phí khấu hao năm nay tăng thêm 20.402.839.693 VND. Chúng tôi không được cung cấp đầy đủ bằng chứng cần thiết về tính hợp lý của sự thay đổi này. Nếu Công ty áp dụng nhất quán thời gian khấu hao theo các năm trước, các khoản mục “Giá vốn” năm nay sẽ giảm là 40.465.925.481 VND, khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình” số cuối năm sẽ giảm 40.465.925.481 VND.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

##### **Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2025-008-1*

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025



**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chờ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.817.617.074	271.178.093.612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	111.185.050.301	55.725.234.985
1. Tiền	111		94.994.431.639	39.683.675.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.190.618.662	16.041.559.332
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.915.925.187	75.290.061.450
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	25.915.925.187	75.290.061.450
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.488.718.590	27.397.097.446
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.895.447.935	20.382.701.183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.049.212.810	8.490.278.622
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	15.276.886.449	15.955.130.415
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.732.828.604)	(17.431.012.774)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.780.624.978	99.099.652.189
1. Hàng tồn kho	141	V.7	72.780.624.978	99.099.652.189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.447.298.018	13.666.047.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.443.900.640	13.224.895.406
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3.397.378	441.152.136
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

hl



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>503.883.714.101</b>	<b>585.956.266.427</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>478.295.142.953</b>	<b>537.874.857.672</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	478.231.174.811	537.786.895.480
<i>Nguyên giá</i>	222		1.338.676.591.755	1.287.535.576.735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(860.445.416.944)	(749.748.681.255)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	63.968.142	87.962.192
<i>Nguyên giá</i>	228		518.800.000	518.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(454.831.858)	(430.837.808)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.11</b>	<b>6.290.598.177</b>	<b>25.894.143.083</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.290.598.177	25.894.143.083
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>13.406.873.080</b>	<b>13.512.440.826</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.790.916.000	13.790.916.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(384.042.920)	(278.475.174)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.391.099.891</b>	<b>8.174.824.846</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5.391.099.891	8.174.824.846
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>742.701.331.175</b>	<b>857.134.360.039</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>361.430.217.157</b>	<b>477.557.949.760</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>235.404.780.521</b>	<b>324.865.369.607</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	54.049.617.491	58.351.237.755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.041.924.227	5.802.999.251
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	828.889.663	415.513.536
4. Phải trả người lao động	314		15.058.300.000	16.158.898.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.335.881.344	3.257.676.501
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.390.872.454	105.248.959.392
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	26.661.588.643	26.666.904.073
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	120.901.582.998	107.071.396.298
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.136.123.701	1.891.784.401
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>126.025.436.636</b>	<b>152.692.580.153</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	126.025.436.636	152.692.580.153
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>381.271.114.018</b>	<b>379.576.410.279</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>381.271.114.018</b>	<b>379.576.410.279</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.472.240.979	2.951.381.835
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.939.043.039	2.765.198.444
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.765.198.444
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.939.043.039	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>742.701.331.175</b>	<b>857.134.360.039</b>

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	329.743.487.240	306.120.718.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		592.667	162.191
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		329.742.894.573	306.120.556.039
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	248.818.118.319	233.605.309.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.924.776.254	72.515.246.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.946.997.244	6.498.382.706
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.401.080.286	11.353.700.030
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.295.512.540	10.313.566.842
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.853.203.379	19.161.320.989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	54.109.505.726	47.826.130.108
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.507.984.107	672.478.526
11. Thu nhập khác	31	VI.7	462.251.923	4.023.801.507
12. Chi phí khác	32	VI.8	292.060.613	381.860.448
13. Lợi nhuận khác	40		170.191.310	3.641.941.059
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.678.175.417	4.314.419.585
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	739.132.378	1.549.221.141
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.939.043.039	2.765.198.444
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	67	41
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	67	41

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		373.338.265.209	347.553.093.506
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(225.135.204.760)	(192.213.506.737)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(74.222.100.959)	(74.342.798.690)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8.660.382.548)	(9.794.541.365)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	-	(2.231.997.537)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.166.596.264	14.311.166.640
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.341.199.723)	(38.380.789.131)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>57.145.973.483</b>	<b>44.900.626.686</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(27.151.999.553)	(75.603.917.664)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.423.761.551	45.483.792.141
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		714.538.782	477.232.876
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>24.986.300.780</b>	<b>(29.642.892.647)</b>

hl



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(26.672.458.947)	(26.670.433.406)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.672.458.947)	(26.670.433.406)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		55.459.815.316	(11.412.699.367)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	55.725.234.985	67.137.934.352
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	111.185.050.301	55.725.234.985

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh nước sạch.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 475 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 485 nhân viên).



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch nợ phải trả bằng ngoại tệ được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng có sổ dư vay gốc ngoại tệ.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 39	10 - 39
Máy móc và thiết bị	5 - 15	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 24	6 - 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6	5 - 6
Tài sản cố định khác	13	13



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

hl



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán nước sạch*

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	229.034.226	363.212.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	94.765.397.413	39.320.463.357
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	16.190.618.662	16.041.559.332
<b>Cộng</b>	<b>111.185.050.301</b>	<b>55.725.234.985</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 1,9% đến 5,5%/ năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An	13.790.916.000	(384.042.920)	13.790.916.000	(278.475.174)

Tại ngày 31/12/2024, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty chè Nghệ An.

#### Giá trị hợp lý

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính, do đó, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

#### Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Số liệu trích lập dự phòng theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của CNA đã được kiểm toán.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	278.475.174	-
Trích lập dự phòng bổ sung	105.567.746	278.475.174
<b>Số cuối năm</b>	<b>384.042.920</b>	<b>278.475.174</b>

*lul*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng tiền nước và lắp đặt	4.528.116.191	5.512.048.813
Phải thu các khách hàng quá hạn thanh toán (Xem thuyết minh V.6)	15.367.331.744	14.870.652.370
<b>Cộng</b>	<b>19.895.447.935</b>	<b>20.382.701.183</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Lộc Toàn	86.435.500	865.653.755
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ CDT	1.343.419.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.619.358.310	7.624.624.867
<b>Cộng</b>	<b>7.049.212.810</b>	<b>8.490.278.622</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	510.173.876	-	1.408.707.897	-
Tạm ứng	7.357.717.533	(616.038.012)	7.242.414.874	(616.038.012)
Quyền sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định 297/QĐ-UBND <sup>(i)</sup>	5.690.610.000	-	5.690.610.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.718.385.040	(765.299.128)	1.613.397.644	(765.299.128)
<b>Cộng</b>	<b>15.276.886.449</b>	<b>(1.384.361.240)</b>	<b>15.955.130.415</b>	<b>(1.384.361.240)</b>

(i) Giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m<sup>2</sup> tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Hiện tại, Công ty đang làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù.

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>15.367.331.744</b>	<b>(15.172.468.200)</b>	<b>14.870.652.370</b>	<b>(14.870.652.370)</b>
UBND xã Thanh Tường	1.309.272.998	(1.309.272.998)	1.309.272.998	(1.309.272.998)
Công trình Hồ Bá Hạo	2.197.138.000	(2.197.138.000)	2.197.138.000	(2.197.138.000)
Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đôn Phục, Con Cuông	704.000.000	(704.000.000)	704.000.000	(704.000.000)
Ban quản lý dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	(1.004.529.000)	1.004.529.000	(1.004.529.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Ban quản lý dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	(3.069.641.000)	3.069.641.000	(3.069.641.000)
UBND Thị trấn Quán Hành	768.819.000	(768.819.000)	768.819.000	(768.819.000)
UBND xã Nghi Kim - Nghi Lộc	1.554.035.000	(1.554.035.000)	1.554.035.000	(1.554.035.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	4.759.896.746	(4.565.033.202)	4.528.283.935	(4.263.217.372)
<b>Phải thu khác</b>	<b>1.384.361.240</b>	<b>(1.384.361.240)</b>	<b>1.384.361.240</b>	<b>(1.384.361.240)</b>
Bà Hồ Thị Liên	302.237.000	(302.237.000)	302.237.000	(302.237.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	1.082.124.240	(1.082.124.240)	1.082.124.240	(1.082.124.240)
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.175.999.164</b>	<b>(1.175.999.164)</b>	<b>1.175.999.164</b>	<b>(1.175.999.164)</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng & Thương mại Đại Hùng	311.700.000	(311.700.000)	311.700.000	(311.700.000)
Ban quản lý Dự án Cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	214.239.329	(214.239.329)	214.239.329	(214.239.329)
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	(309.668.000)	309.668.000	(309.668.000)
Các khoản phải thu dài hạn khác	340.391.835	(340.391.835)	340.391.835	(340.391.835)
<b>Cộng</b>	<b>17.927.692.148</b>	<b>(17.732.828.604)</b>	<b>17.431.012.774</b>	<b>(17.431.012.774)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	17.431.012.774	16.565.739.816
Trích lập dự phòng bổ sung	311.132.780	865.604.758
Hoàn nhập dự phòng	(9.316.950)	(331.800)
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.732.828.604</b>	<b>17.431.012.774</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	63.695.186.093	-	91.725.870.455	-
Công cụ, dụng cụ	9.059.223.655	-	7.347.566.504	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.215.230	-	26.215.230	-
<b>Cộng</b>	<b>72.780.624.978</b>	<b>-</b>	<b>99.099.652.189</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.823.421.992	5.075.679.201
Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.280.404.584	2.362.779.098
Các chi phí trả trước dài hạn khác	287.273.315	736.366.547
<b>Cộng</b>	<b>5.391.099.891</b>	<b>8.174.824.846</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	619.852.557.277	110.378.807.451	552.491.567.923	572.975.000	4.239.669.084	1.287.535.576.735
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.747.998.396	-	44.393.016.624	-	-	51.141.015.020
<b>Số cuối năm</b>	<b>626.600.555.673</b>	<b>110.378.807.451</b>	<b>596.884.584.547</b>	<b>572.975.000</b>	<b>4.239.669.084</b>	<b>1.338.676.591.755</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	54.828.482.184	104.434.744.527	48.011.700.114	572.975.000	4.239.669.084	212.087.570.909
Chờ thanh lý	85.383.184.281	30.792.641.373	87.046.513.226	-	-	203.222.338.880
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	288.644.632.325	108.219.442.143	348.383.271.491	572.975.000	3.928.360.296	749.748.681.255
Khấu hao trong năm	50.665.682.524	927.114.512	58.792.629.865	-	311.308.788	110.696.735.689
<b>Số cuối năm</b>	<b>339.310.314.849</b>	<b>109.146.556.655</b>	<b>407.175.901.356</b>	<b>572.975.000</b>	<b>4.239.669.084</b>	<b>860.445.416.944</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	331.207.924.952	2.159.365.308	204.108.296.432	-	311.308.788	537.786.895.480
<b>Số cuối năm</b>	<b>287.290.240.824</b>	<b>1.232.250.796</b>	<b>189.708.683.191</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>478.231.174.811</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý <sup>(*)</sup>	18.976.498.145	319.106.209	4.520.512.637	-	-	23.816.116.991

(\*) Theo Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 02/7/2024, Công ty thông báo công khai đến các nhà đầu tư về việc chào bán tài sản theo phương thức chào giá cạnh tranh đối với tài sản là 10 trạm cấp nước (Anh Sơn, Con Cuông, Đô Lương, Kỳ Sơn, Nam Đàn, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Thanh Chương, Tương Dương) kèm theo quyền khai thác, vận hành và vùng phục vụ cấp nước. Thời gian các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ chào giá đến ngày 06/9/2024. Công ty thông báo chào bán lần 2 theo Quyết định số 55/TB-CNNA ngày 21/02/2025. Thời gian nộp hồ sơ chào giá đến 15 giờ ngày 02/4/2025.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 236.774.018.041 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.17)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	518.800.000	(430.837.808)	87.962.192
Khấu hao trong năm	-	(23.994.050)	(23.994.050)
<b>Số cuối năm</b>	<b>518.800.000</b>	<b>(454.831.858)</b>	<b>63.968.142</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	280.800.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển chi phí trả trước/chi phí	Số cuối năm
Lắp đặt ống gang DN500/DN300 dọc đường giao thông nối Vinh Cửa Lò	2.731.489.614	22.780.679.154	(25.512.168.768)	-	-
Sửa chữa, cải tạo nhà máy nước Anh Sơn	4.387.677.947	1.843.695.085	(6.231.373.032)	-	-
Lắp đặt tuyến ống gang D400 đầu nối trạm bơm tăng áp Quán Hành, huyện Nghi Lộc	4.045.141.939	-	(4.045.141.939)	-	-
Lắp đặt bổ sung đường ống gang D300 cấp nước cho nhân dân địa bàn xã Hưng Hòa	6.317.617.978	1.619.935.064	(7.937.553.042)	-	-
Lắp đặt tuyến ống gang DN300 chạy dọc phía Đông đường Phong Định Cảng	-	2.607.291.767	-	-	2.607.291.767
Dự án khác	8.412.215.605	14.043.264.678	(7.414.778.239)	(11.357.395.634)	3.683.306.410
<b>Cộng</b>	<b>25.894.143.083</b>	<b>42.894.865.748</b>	<b>(51.141.015.020)</b>	<b>(11.357.395.634)</b>	<b>6.290.598.177</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	13.006.980.000	9.829.890.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh	13.994.375.149	12.017.629.641
Các nhà cung cấp khác	27.048.262.342	36.503.718.114
<b>Cộng</b>	<b>54.049.617.491</b>	<b>58.351.237.755</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng An Thịnh	618.455.000	-
Các khách hàng khác	3.423.469.227	5.802.999.251
<b>Cộng</b>	<b>4.041.924.227</b>	<b>5.802.999.251</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	441.152.136	739.132.378
Thuế thu nhập cá nhân	105.300.230	-	285.052.275
Thuế tài nguyên	9.976.730	-	128.460.449
Thuế bảo vệ môi trường	300.236.576	-	4.090.874.681
Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp	-	-	170.513.270
Phí cấp quyền khai thác nguồn nước	-	-	51.259.697
Lệ phí môn bài	-	-	16.000.000
<b>Cộng</b>	<b>415.513.536</b>	<b>441.152.136</b>	<b>5.481.292.750</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch 5%
- Các dịch vụ khác 8% và 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.678.175.417	4.314.419.585
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	17.486.471	120.527.675
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí loại trừ)	17.486.471	120.527.675
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.695.661.888	4.434.947.260
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	739.132.378	886.989.452
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	662.231.689
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>739.132.378</b>	<b>1.549.221.141</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khoáng sản như sau:

Khoáng sản	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất
- Nước mặt	2.000 VND/m <sup>3</sup>	1%
- Nước dưới đất (nước ngầm)	5.000 VND/m <sup>3</sup>	5%

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường với hoạt động xả thải, khí thải sinh hoạt với mức phí bảo vệ môi trường là 10% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.358.849.959	1.723.719.967
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	426.227.568	393.514.732
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.550.803.817	1.140.441.802
<b>Cộng</b>	<b>3.335.881.344</b>	<b>3.257.676.501</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	211.384.042	210.867.142
Bảo hiểm xã hội	18.523.415	51.891.398
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	816.410.447	603.759.635
Phải trả phí bảo vệ môi trường	238.428.348	266.756.727
Phải trả phí thoát nước	156.964.577	231.237.538
Phải trả về chi phí nước thô	-	99.239.825.685
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.934.861.625	4.630.321.267
<b>Cộng</b>	<b>7.390.872.454</b>	<b>105.248.959.392</b>

**17. Vay****17a. Vay ngắn hạn**

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.17b), bao gồm:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bộ Tài chính - Dự án Vinh	9.552.093.004	9.552.093.004
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước	76.321.087	81.636.517
<b>Cộng</b>	<b>26.661.588.643</b>	<b>26.666.904.073</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	26.666.904.073	26.666.035.235
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	26.667.143.517	26.671.302.244
Số tiền vay đã trả trong năm	(26.672.458.947)	(26.670.433.406)
<b>Cộng</b>	<b>26.661.588.643</b>	<b>26.666.904.073</b>

**17b. Vay dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bộ Tài chính - Dự án Vinh <sup>(i)</sup>	14.178.736.991	23.730.829.995
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh <sup>(ii)</sup>	110.715.634.604	127.748.809.156
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án giảm thất thoát nước <sup>(iii)</sup>	1.131.065.041	1.212.941.002
<b>Cộng</b>	<b>126.025.436.636</b>	<b>152.692.580.153</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008. Khoản vay sẽ được hoàn trả trong 25 năm trong đó có 5 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn là ngày 20/3/2002, lãi suất của Hiệp định vay sửa đổi theo Phụ lục là 5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Hợp đồng vay vốn ODA ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam; Chênh lệch tỷ giá hàng năm Công ty ghi nhận tăng thêm dư nợ gốc vay; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.

- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691 VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của Ngân hàng ADB. Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là phí cam kết khoản vay phải trả 50.822,97 USD. Đến thời điểm hiện tại khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	26.661.588.643	26.666.904.073
Trên 1 năm đến 5 năm	83.442.500.240	93.076.469.205
Trên 5 năm	42.582.936.396	59.616.110.948
<b>Cộng</b>	<b>152.687.025.279</b>	<b>179.359.484.226</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	152.692.580.153	179.345.706.355
Chênh lệch tỷ giá	-	18.176.042
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(26.667.143.517)	(26.671.302.244)
<b>Số cuối năm</b>	<b>126.025.436.636</b>	<b>152.692.580.153</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải trả chi phí nước thô	120.901.582.998	107.071.396.298

Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/12/2024 phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục "Dự phòng phải trả ngắn hạn", xác định trên cơ sở lượng nước thô cấp cho sản xuất và đơn giá tạm tính.

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.852.963.843	1.244.339.300	3.097.303.143
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	284.327
<b>Cộng</b>	<b>1.891.784.401</b>	<b>1.244.339.300</b>	<b>3.136.123.701</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	373.859.830.000	1.193.463.427	4.834.947.602	379.888.241.029
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.765.198.444	2.765.198.444
Trích lập các quỹ	-	1.692.231.661	(2.417.473.801)	(725.242.140)
Chia cổ tức	-	-	(2.417.473.801)	(2.417.473.801)
Vốn khác	-	65.686.747	-	65.686.747
Số dư cuối năm trước	373.859.830.000	2.951.381.835	2.765.198.444	379.576.410.279
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	2.951.381.835	2.765.198.444	379.576.410.279
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.939.043.039	2.939.043.039
Trích lập các quỹ	-	1.520.859.144	(2.765.198.444)	(1.244.339.300)
Số dư cuối năm nay	373.859.830.000	4.472.240.979	2.939.043.039	381.271.114.018

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Cổ đông khác	128.162.070.000	128.162.070.000
Cộng	373.859.830.000	373.859.830.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.520.859.144
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.244.339.300

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh nước sạch	319.342.981.739	298.632.642.497
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	8.919.116.723	6.072.642.701
Doanh thu khác	1.481.388.778	1.415.433.032
Cộng	329.743.487.240	306.120.718.230



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh nước sạch	246.164.364.748	230.397.173.990
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	2.653.753.571	3.208.135.102
<b>Cộng</b>	<b>248.818.118.319</b>	<b>233.605.309.092</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	81.367.195	63.542.186
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.865.630.049	5.858.654.145
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	576.186.375
<b>Cộng</b>	<b>1.946.997.244</b>	<b>6.498.382.706</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.295.512.540	10.313.566.842
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	743.452.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	18.176.042
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	105.567.746	278.475.174
Chi phí tài chính khác	-	29.338
<b>Cộng</b>	<b>8.401.080.286</b>	<b>11.353.700.030</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.792.310.600	17.577.743.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	173.941.516	138.218.155
Các chi phí khác	1.886.951.263	1.445.359.034
<b>Cộng</b>	<b>16.853.203.379</b>	<b>19.161.320.989</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên (*)	38.166.887.274	30.216.180.990
Chi phí vật liệu quản lý	179.856.204	24.142.771
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.083.352.218	5.470.531.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.588.147.064	1.994.558.350
Thuế, phí và lệ phí	21.622.409	171.963.891
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	301.815.830	865.272.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.577.120.935	5.354.088.949
Các chi phí khác	6.190.703.792	3.729.391.048
<b>Cộng</b>	<b>54.109.505.726</b>	<b>47.826.130.108</b>

Trong đó, lương bổ sung năm 2023 và 2024 lần lượt là 3.523.440.000 VND và 3.316.899.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền đền bù, di dời giải phóng mặt bằng	-	3.382.279.727
Thu nhập từ đền bù, di dời giải phóng mặt bằng	-	7.946.637.000
Chi phí phát sinh	-	(4.564.357.273)
Thu tiền bồi thường	268.795.999	152.997.847
Thu bán phế liệu	-	171.990.000
Thu nhập khác	193.455.924	316.533.933
<b>Cộng</b>	<b>462.251.923</b>	<b>4.023.801.507</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi tiền bồi thường	156.297.800	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	17.486.471	70.904.076
Các khoản phạt vi phạm hành chính	16.976.822	50.000.000
Chi phí khác	101.299.520	260.956.372
<b>Cộng</b>	<b>292.060.613</b>	<b>381.860.448</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.939.043.039	2.765.198.444
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(440.856.456)	(1.244.339.300)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(i)</sup>	(440.856.456)	(1.244.339.300)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.498.186.583	1.520.859.144
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	37.385.983	37.385.983
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>67</b>	<b>41</b>

<sup>(i)</sup> Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tính theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế năm nay. Tỷ lệ này được xác định theo tỷ lệ trích của năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2024. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 63 VND xuống còn 41 VND.

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.932.588.389	75.921.739.206
Chi phí nhân công	84.740.289.199	75.289.263.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.720.729.739	51.898.154.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.430.563.647	56.691.287.349
Chi phí khác	9.956.656.450	9.361.160.109
Cộng	319.780.827.424	269.161.604.335

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc	2.049.625.288	5.874.514.303

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	180.000.000	50.000.000	230.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	50.000.000	140.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Trợ lý Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	299.692.000	60.000.000	107.825.000	467.517.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	218.868.000	-	59.018.000	277.886.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	36.000.000	10.000.000	46.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 20/4/2024)	-	15.000.000	10.000.000	25.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên BKS (bỏ nhiệm ngày 20/4/2024)	-	21.000.000	-	21.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	454.658.000	-	128.012.000	582.670.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	436.416.000	-	126.315.000	562.731.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	222.878.000	-	59.615.000	282.493.000
Cộng		1.632.512.000	402.000.000	600.785.000	2.635.297.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
<b>Năm trước</b>					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	175.000.000	71.600.000	246.600.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	87.500.000	50.000.000	137.500.000
Ông Lê Đình Hoan	Trợ lý Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	314.407.000	57.500.000	109.843.000	481.750.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	214.680.000	-	53.608.000	268.288.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	35.000.000	10.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	35.000.000	10.000.000	45.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	429.900.000	-	125.842.000	555.742.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	422.687.000	-	120.765.000	543.452.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	216.691.000	-	53.827.000	270.518.000
<b>Cộng</b>		<b>1.598.365.000</b>	<b>390.000.000</b>	<b>605.485.000</b>	<b>2.593.850.000</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### Bên liên quan khác

##### Mối quan hệ

UBND tỉnh Nghệ An

Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con

Cổ đông lớn

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các bên liên quan khác trong năm (năm trước Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho UBND tỉnh Nghệ An và Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con với số tiền lần lượt là 910.581.504 VND và 661.884.160 VND).

#### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình (Xem thuyết minh số IV.8). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay giảm 40.465.925.481 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 31. tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Hải